**MÔ TẢ CẤU TRÚC DỮ LIỆU PHẦN MỀM QUẢN LÝ KHO**

**1:Tên Database: Khai báo tùy biến**

**2: Bảng chứa dữ liệu quét mã vạch**

**Tên bảng: IOINVENTORY**

Cấu trúc bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên cột** | **Kiểu** | **Mô tả** |
| QRcode | Varchar(200) | Mã vạch của hàng hóa. Thông tin này được gửi về từ ứng dụng Android |
| Quantity | Numeric (20) | Số lượng của sản phẩm. Thông tin này được gửi về từ ứng dụng Android |
| Status | Smallint (3) | Status có 3 giá trị là 1,2,3. 1 là xuất kho, 2 là nhập kho, 3 là kiểm kho. Thông tin này được gửi về từ ứng dụng Android |
| WHname | Varchar(50) | Tên kho hàng. Thông tin này được gửi về từ ứng dụng Android |
| Username | Varchar(50) | Tên người dùng sử dụng trên điện thoại. Thông tin này được gửi về từ ứng dụng Android |
| ID | Varchar(20) | Trường này được điền đồng loạt cho 1 lần insert vào DB. Dữ liệu này có cú pháp là NămThángNgàyGiờPhút. Trường này có thể để Hanh có thể lập trình |

**3: Bảng chứa danh sách người dùng trên điện thoại**

**Tên bảng: \_USERMOBI**

Cấu trúc bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên cột** | **Kiểu** | **Mô tả** |
| Name | Varchar(50) | Tên người dùng (không có dấu) |
| Usermobi | Numeric (20) | Cột này do phần mềm tự sinh. Dữ liệu cột này được coi như là mật khẩu được định sẵn cho người dùng điện thoại |
| Status | Smallint (3) | Dữ liệu cột này có 3 giá trị là 0,1,2. 0 là user này chưa được xác thực trên điện thoại. 1 là user này đã được xác thực trên điện thoại. 2 là user này bị cấm đăng nhập vào hệ thống |

**4: Bảng Danh sách kho**

**Tên bảng: WHMOBI**

Cấu trúc bảng

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên cột** | **Kiểu** | **Mô tả** |
| Name | Varchar(100) | Tên của kho hàng |

**5: Các API cần dùng**

* API đẩy dữ liệu đã quét mã vạch từ ứng dụng Android về Server để lưu vào bảng IOINVENTORY.
* API lấy dữ liệu danh sách kho từ Server để hiển thị danh sách kho trên ứng dụng Android.
* API đẩy thông tin tên người dùng và mật khẩu từ ứng dụng Android về Server để đối chiếu với bảng USERMOBI. Tên người dùng đối chiếu với cột Name trong bảng USERMOBI. Mật khẩu đối chiếu với cột Usermobi trong bảng USERMOBI.

Nếu cột Status trong bảng USERMOBI đang là không thì user này được xác thực và chuyển status từ 0 thành 1.

Nếu status đang là 2 thì trả lại kết quả là user này bị cấm.